

Bản án số: 56/2020/DS-ST

Ngày: 09/12/2020

(V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và hui)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐH - TỈNH BẠC LIÊU**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Hồng Diễm

Các hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Nguyễn Văn Tâm

2/. Bà Đỗ Kim Phụng

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quốc Đại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH tham gia phiên tòa: Ông Trần Đăng Khoa, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐH xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 258/2019/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hui”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1970

Địa chỉ: ấp DĐ, xã ĐH, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu

-Bị đơn: Bà Võ Thị T, sinh năm 1982

Địa chỉ: ấp DĐ, xã ĐH, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Tô Minh Th, sinh năm 1964

Địa chỉ: ấp DĐ, xã ĐH, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu

Anh Phạm Văn S, sinh năm 1980

Địa chỉ: ấp DĐ, xã ĐH, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

(Bà Ch và ông Th có mặt, bà T và ông S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

-Theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ch trình bày: Vào ngày 05/4/2018 bà có chơi dùm cho bà Võ Thị T 01 chung hui 5.000.000 đồng, có tất cả 20 chung, mỗi tháng khai 01 lần, dây hui này do bà Đỗ Ngọc H làm chủ, vào kỳ khai hui đầu tiên bà T đã hốt chung hui này được số tiền 68.400.000 đồng, sau khi hốt hui thì bà T không đóng hui chết, bà đã đóng thay bà T 05 kỳ hui chết với số tiền 25.000.000 đồng. Đến ngày 17/01/2019, bà T và bà có gặp nhau để

tính toán nợ, bà T có hứa trong vòng 02 tháng sẽ trả đủ cho bà số tiền này và có làm biên nhận, nhưng đến nay bà T không có trả cho bà số tiền nào hết. Từ tháng 9 năm 2018 cho đến khi hội mãn thì bà T không có đóng kỳ hội chết nào, bà phải bỏ tiền ra đóng thay cho bà T thêm 14 kỳ hội chết, mỗi kỳ là 5.000.000 đồng với tổng số tiền là 70.000.000 đồng. Bà Ch xác định bà không có chơi dùm chị T đây hội 5.000.000 đồng khui ngày 20/01/2018 như chị T trình bày.

Việc bà T thiếu tiền hội và mượn tiền của bà thì bà T có viết giấy tay ký nhận nợ của bà, nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện ĐH giải quyết buộc bà Võ Thị T và chồng bà T là ông Phạm Văn S cùng có nghĩa vụ giao trả cho bà và ông Th số tiền hội là 70.000.000 đồng và số tiền vay (mượn) là 25.000.000 đồng, tổng cộng là 95.000.000 đồng, ngoài ra bà không có yêu cầu nào khác.

- Bị đơn bà Võ Thị T trình bày: Từ khoảng năm 2016 đến năm 2017 bà có hỏi vay tiền của bà Nguyễn Thị Ch, do bà vay nhiều lần nên không nhớ là vay cụ thể số tiền bao nhiêu, sau đó đến năm 2017 thì giữa bà và bà Ch có ngồi đối chiếu chốt công nợ lại thì bà còn nợ bà Ch số tiền vốn là 85.000.000 đồng, tiền lãi cứ 1.000.000 đồng 01 ngày là 10.000 đồng, tính ra lãi suất mỗi tháng là 30%, sau đó thì bà Ch có kêu bà chơi chung hội ngày, lúc đầu thì đóng 600.000 đồng/ngày, từ từ bà không có khả năng đóng nên giảm xuống còn 400.000 đồng/ngày rồi 200.000 đồng/ngày, bà cũng không nhớ rõ là đóng từ ngày tháng năm nào, bà chỉ nhớ đóng tới khi mãn thì trừ vào số tiền vốn vay là 60.000.000 đồng, do đó bà còn nợ là bà Ch số tiền vay vốn chỉ có 25.000.000 đồng. Tuy nhiên do trước đó bà còn nợ bà Ch số tiền lãi nên bà Ch có kêu bà vô dùm cho bà chung hội 5.000.000 đồng khui ngày 20/01/2018, có tất cả 20 chung, bà có chơi 02 chung, mỗi tháng khui một lần, 02 chung hội này bà đã hót hết được số tiền tổng cộng là 121.000.000 đồng, sau khi hót hội xong thì bà đã đóng được 05 kỳ hội chết thì không có khả năng đóng tiếp, sau khi hót hội xong thì bà Ch trừ vào số tiền lãi bà nợ bà Ch, tuy nhiên số tiền lãi là bao nhiêu bà cũng không nhớ rõ vì thời gian đã quá lâu, bà cũng đã trả xong nên cũng không nhớ, 02 chung hội này sau khi hót xong cũng không đủ trả tiền lãi cho bà Ch, nên bà Ch có vô dùm cho bà thêm 01 chung hội 5.000.000 đồng khui ngày 05/4/2018, có tất cả 20 chung, bà cũng đã hót đầu được số tiền là 68.400.000 đồng, sau khi hót hội xong thì bà có đóng được 02 kỳ hội chết thì không có khả năng đóng nữa, số tiền hót hội này thì cũng trừ vào số tiền lãi bà còn nợ bà Ch và hai bên đã trừ cân xong. Do bà không có khả năng đóng hội chết cho bà Ch nên bà Ch có lại nhà bà để chốt nợ thì bà Ch đồng ý bỏ hết số tiền hội chết bà phải đóng lại cho bà Ch của 02 đây hội nêu trên và chỉ yêu cầu bà trả cho bà Ch số tiền vay vốn là 25.000.000 đồng và buộc bà trong thời hạn 02 tháng phải trả hết cho bà Ch. Do bà không có khả năng trả số tiền 25.000.000 đồng theo đúng thời gian cam kết nên bà Ch lật ngược, khởi kiện yêu cầu bà trả tiền hội cho bà Ch, việc bà Ch lại nhà bà chốt nợ thì có làm giấy và do Chh tay con gái bà Ch tên Tiên viết và có mặt bà Đỗ Ngọc H là mẹ chồng của T và là thông gia với bà Ch ký tên xác nhận, trong biên nhận chỉ ghi là bà có nợ của bà Ch số tiền vay là 25.000.000 đồng chứ không có ghi tiền hội gì hết, nay bà xác định chỉ nợ bà Ch số tiền vay vốn là 25.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền này, bà không đồng ý việc bà Ch khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền hội là 70.000.000 đồng, việc bà chơi hội, vay tiền của bà Ch thì chồng bà là ông Phạm Văn S không biết, do bà giấu chồng chơi riêng và xài riêng, chồng bà

chỉ biết khi con bà Ch đến nhà bà đòi nợ, nên bà không đồng ý bà Ch yêu cầu chồng bà cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà Ch, ngoài ra bà không có yêu cầu nào khác.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn S trình bày: từ trước đến nay ông không biết và cũng không có giao dịch gì với bà Nguyễn Thị Ch, còn việc bà Võ Thị T có giao dịch gì với bà Ch không thì ông cũng không biết.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tô Minh Th trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Ch, ông xác định số tiền bà T nợ là tài sản chung của vợ chồng ông, nên ông yêu cầu bà T và ông S cùng có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông. Ngoài ra ông không có yêu cầu nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ch, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Tô Minh Th là đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn bà Võ Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn S chưa chấp hành nghiêm giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ch đối với bà Võ Thị T. Buộc bà T và ông S cùng có nghĩa vụ trả cho bà Ch số tiền vay và hụi là 85.000.000 đồng. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ch đối với bà T về số tiền hụi là 10.000.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch buộc các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của bà Ch đối với bà T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hụi; Bị đơn bà Võ Thị T có hộ khẩu thường trú tại huyện ĐH, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐH.

Đối với yêu cầu của bà Võ Thị T về việc khởi tố bà Nguyễn Thị Ch về hành vi cho vay nặng lãi. Ngày 10/11/2020 Cơ quan điều tra công an huyện ĐH đã có quyết định không khởi tố vụ án. Do đó, Tòa án nhân dân huyện ĐH tiếp tục giải quyết vụ án là đúng theo quy định pháp luật.

Bà Võ Thị T và ông Phạm Văn S đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng bà T và ông S vắng mặt mà không có lý do Chh đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân

sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Võ Thị T và ông Phạm Văn S.

[2] Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định việc giao dịch hui và vay tiền giữa bà Ch và bà T là hoàn toàn có xảy ra trên thực tế. Điều này đã được các đương sự thống nhất thừa nhận trong quá trình tố tụng. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử công nhận đây là sự thật, các đương sự không cần phải có nghĩa vụ chứng minh. Tuy nhiên giữa bà Ch và bà T không thống nhất với nhau về số tiền hui và vay nên hai bên phát sinh tranh chấp.

Đối với số tiền vay 25.000.000 đồng: Bà Ch xác định bà có chơi dùm cho bà T chung hui 5.000.000 đồng, bà T đã hót vào kỳ khui hui đầu tiên, tuy nhiên bà T không đóng lại hui chết, bà phải bỏ tiền ra đóng dùm cho bà T 05 kỳ hui chết, mỗi kỳ 5.000.000 đồng, tổng cộng là 25.000.000 đồng. Đến ngày 17/01/2019 (âm lịch) thì bà T có đồng ý ký giấy nhận nợ số tiền 25.000.000 đồng mà bà đã đóng thay cho bà T và hẹn trong thời hạn 02 tháng sẽ trả đủ cho bà. Tuy nhiên đến đúng thời hạn cam kết bà T không trả tiền. Bà T thừa nhận bà có nợ bà Ch số tiền này và đồng ý trả cho bà Ch. Do đó, cần buộc bà T có nghĩa vụ trả cho bà Ch số tiền này.

Đối với 14 kỳ hui chết của dây hui 5.000.000 đồng, mở ngày 05/4/2018: bà Ch và bà T thống nhất xác định bà Ch có chơi dùm cho bà T dây hui 5.000.000 đồng có tất cả 20 chung, mỗi tháng khui một lần, bà T có tham gia chơi 01 chung, dây hui do bà Đỗ Ngọc Hằng làm chủ, bà T đã hót đầu được số tiền là 68.400.000 đồng, bà Ch xác định sau khi hót hui thì bà T không có đóng kỳ hui chết nào, bà phải bỏ tiền ra đóng thay cho bà T 05 kỳ hui chết, mỗi kỳ 5.000.000 đồng với số tiền là 25.000.000 đồng, và cũng không tiếp tục đóng 14 kỳ hui chết còn lại cho đến khi mãn hui với số tiền là 70.000.000 đồng. Bà T xác định bà có đóng cho bà Ch được 02 kỳ hui chết thì ngưng không đóng nữa. Do ngày 17/01/2019 (âm lịch) giữa bà và bà Ch có gặp nhau để đối chiếu nợ thì bà Ch đồng ý chỉ yêu cầu bà trả số tiền vay là 25.000.000 đồng, việc này có viết biên nhận. Trong quá trình chuẩn bị xét xử bà T có cung cấp tờ biên nhận viết tay đề ngày 17/01/2019 (âm lịch), người làm chứng là chị Tô Thị Thu Tiên và bà Đỗ Ngọc Hằng: Qua xem xét biên nhận ngày 17/01/2019 (âm lịch) do bà Võ Thị T cung cấp, biên bản làm việc với người làm chứng là Tô Thị Thu T và Đỗ Ngọc H. Xét thấy, biên nhận mặt trước là do con gái bà Ch là Tô Thị Thu T viết, mặt sau của biên nhận là do bà Đỗ Ngọc H viết xác nhận về việc chứng kiến việc ký nhận nợ giữa bà T với bà Ch và việc bà T có trả cho bà Ch số tiền 400.000 đồng. Tuy nhiên, biên nhận không có chữ ký của bà Ch, bà Ch cũng không thừa nhận nội dung biên nhận này. Lời khai của người làm chứng có sự mâu thuẫn nhau, không đảm bảo tính khác quan. Do đó, việc bà T xác định bà chỉ có nợ bà Ch số tiền vay là 25.000.000 đồng, không có nợ tiền hui của bà Ch là không có căn cứ. Bà Ch đưa ra yêu cầu bà T còn nợ bà 14 kỳ hui chết nhưng bà không chứng minh được. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự thừa nhận của bà T là đã đóng được cho bà Ch 02 kỳ hui chết, đối trừ với yêu cầu của bà Ch đối với 14 kỳ hui chết thì bà T còn nợ lại bà Ch 12 kỳ hui chết, mỗi kỳ 5.000.000 đồng với số tiền là 60.000.000 đồng.

Bà Ch và ông Th xác định số tiền hui và vay bà T nợ là tiền chung của vợ chồng bà, nên ông bà yêu cầu bà T và ông S cùng có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông bà. Xét thấy bà Ch và ông Th đều thống nhất xác định số tiền bà T nợ là tài sản chung của ông bà trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thừa nhận của các đương sự đây là tài sản chung, nên cần buộc bà T có nghĩa vụ trả nợ cho bà Ch và ông Th là có căn cứ.

Đối với yêu cầu ông S cùng có nghĩa vụ trả nợ cho bà Ch: Hội đồng xét xử xét thấy bà T không thừa nhận đây là nợ chung của vợ chồng nên không đồng ý để ông S cùng bà trả nợ cho bà Ch, tuy nhiên xét thấy các khoản nợ trên được phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bà T và ông S, hiện bà T và ông S vẫn còn sống chung nhà với nhau, mặc khác bà T không đưa ra được các tài liệu chứng cứ để chứng minh đây là nợ riêng của bà và việc ông S không biết số nợ này, do đó để đảm bảo cho việc thi hành án nên cần buộc ông S cùng có trách nhiệm với bà T trả nợ cho bà Ch và ông Th là có căn cứ.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Võ Thị T và ông Phạm Văn S cùng phải nộp số tiền là 4.250.000 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Nguyễn Thị Ch và ông Tô Minh Th cùng phải nộp đối với yêu cầu không được chấp nhận là (10.000.000 đồng x 5%) là 500.000 đồng , bà Nguyễn Thị Ch đã tạm dự nộp số tiền tạm ứng án phí 2.375.000 đồng theo biên lai thu số 0004072 ngày 10/12/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện ĐH được khấu trừ, hoàn lại cho bà Ch số tiền 1.875.000 đồng.

Quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 và 471 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chh phủ quy định về hui, họ, biên phường;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ch đối với bà Võ Thị T và ông Phạm Văn S về việc tranh chấp nợ hui và tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2/. Buộc bà Võ Thị T và ông Phạm Văn S cùng có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Ch và ông Tô Minh Th số tiền vay và hui là 85.000.000 đồng

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ Luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ch đối với bà Võ Thị T và ông Phạm Văn S về việc tranh chấp hội với số tiền là 10.000.000 đồng.

4/. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Võ Thị T và ông Phạm Văn S cùng phải nộp số tiền là 4.250.000 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Nguyễn Thị Ch và ông Tô Minh Th cùng phải nộp đối với yêu cầu không được chấp nhận là (10.000.000 đồng x 5%) là 500.000 đồng , bà Nguyễn Thị Ch đã tạm dự nộp số tiền tạm ứng án phí 2.375.000 đồng theo biên lai thu số 0004072 ngày 10/12/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện ĐH được khấu trừ, hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Ch số tiền 1.875.000 đồng.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bà Nguyễn Thị Ch và ông Tô Minh Th biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Bà Võ Thị T và ông Phạm Văn S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện ĐH
- Chi cục THADS huyện ĐH
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

Trương Hồng Diễm

